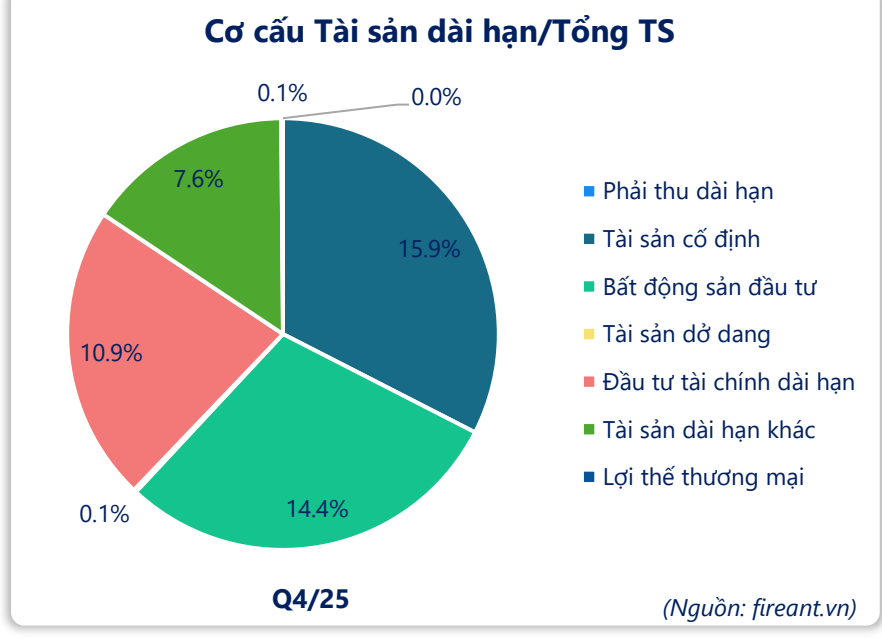
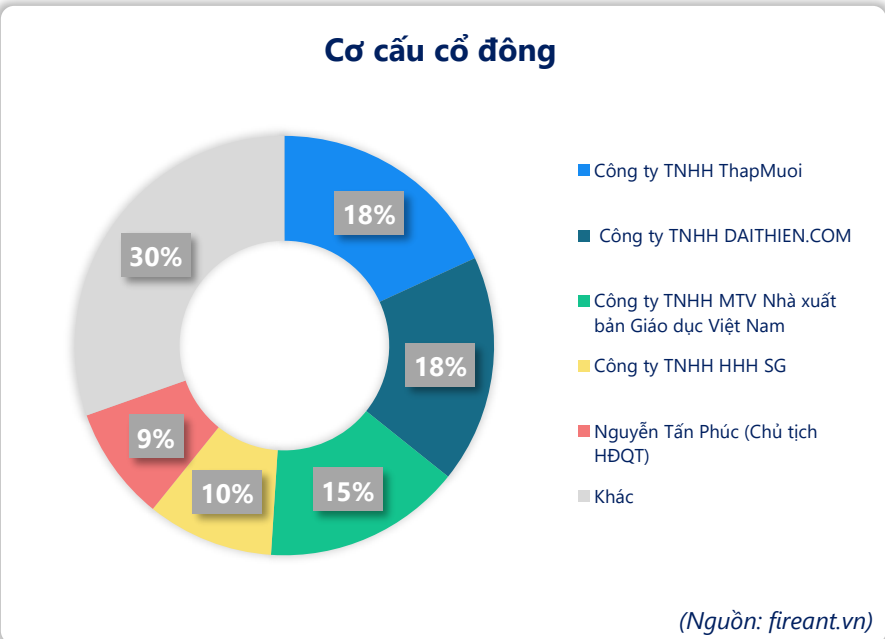
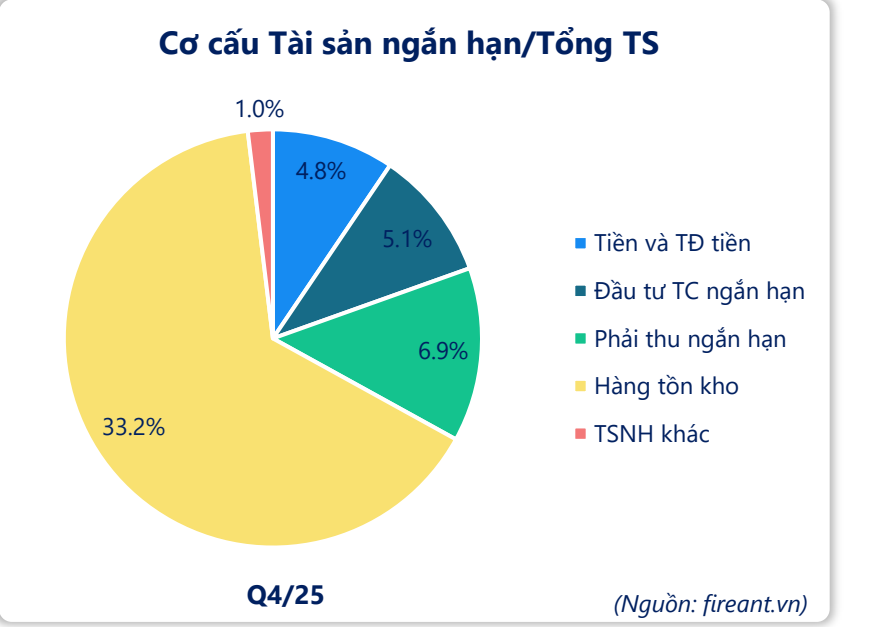
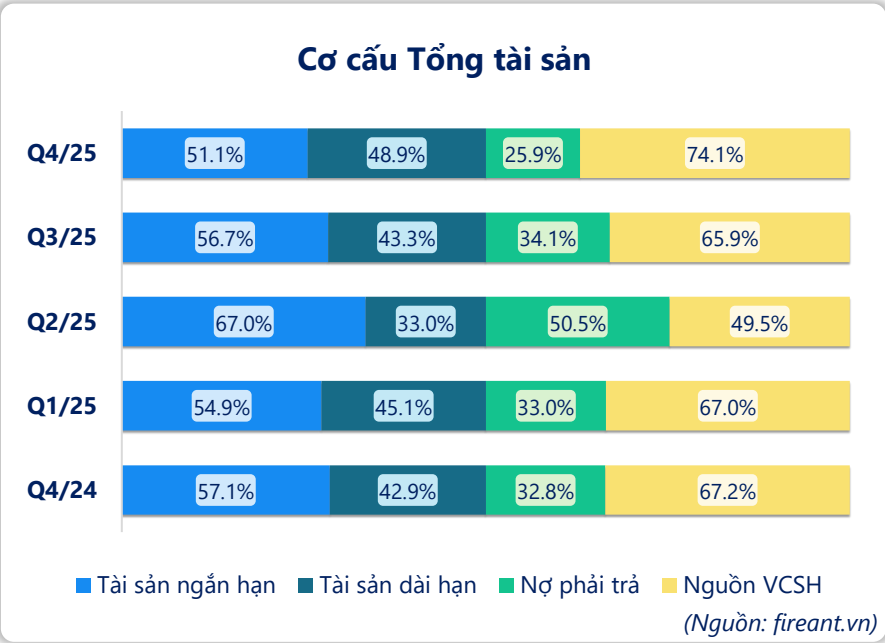
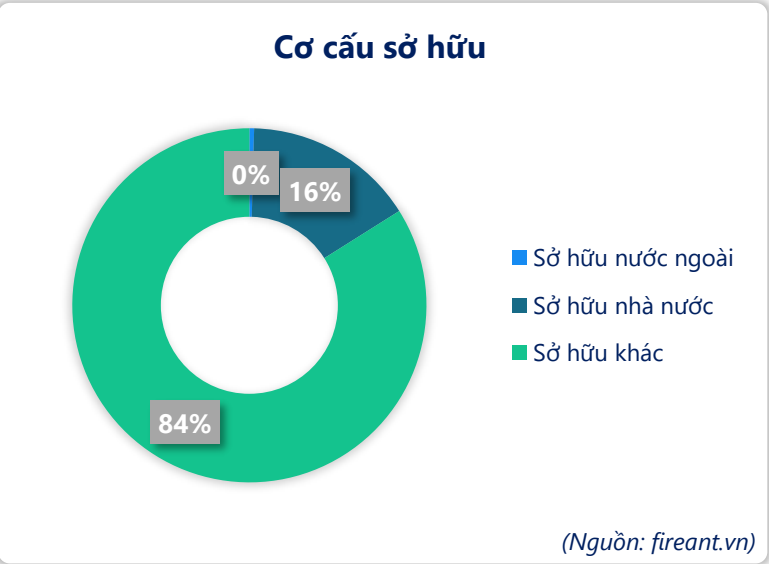
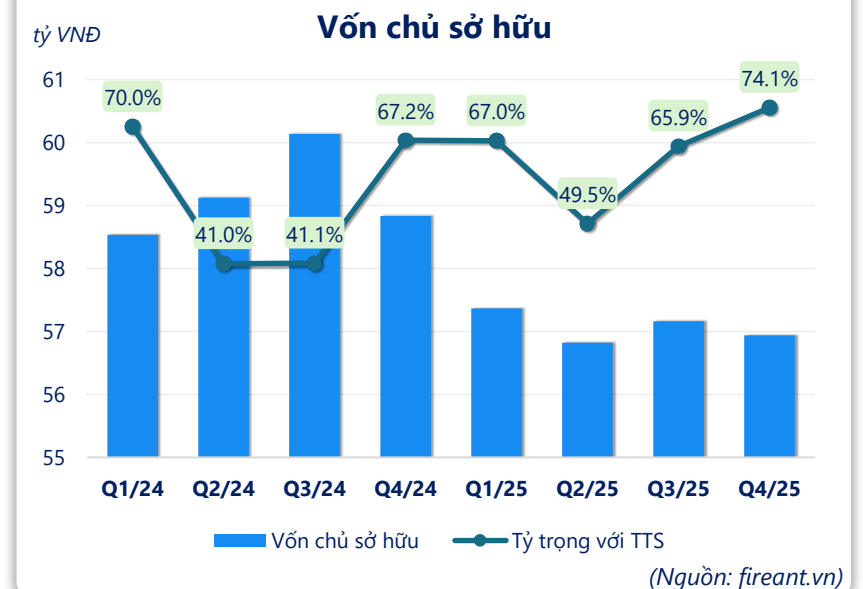
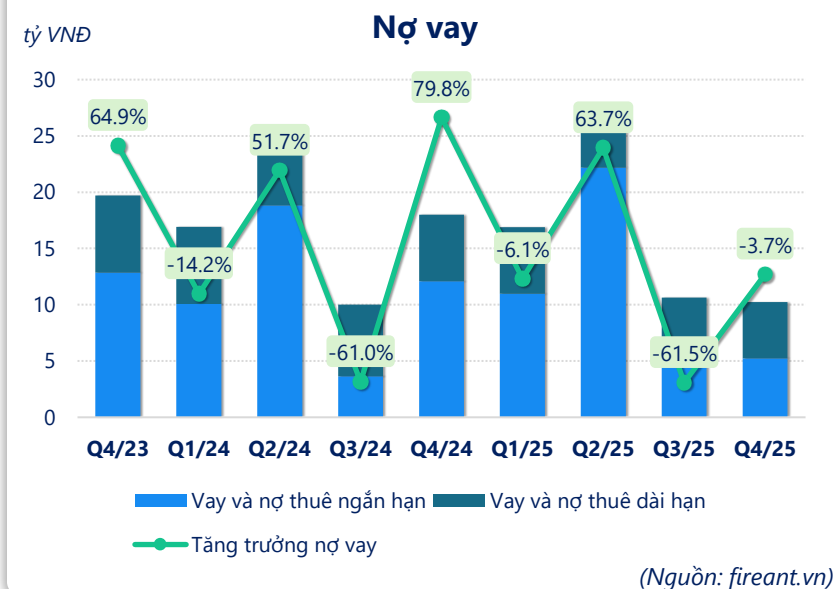
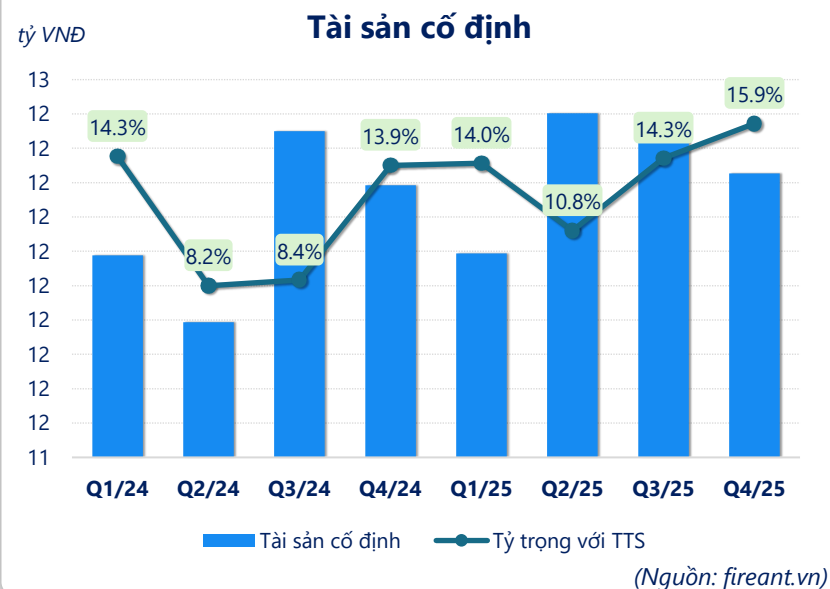
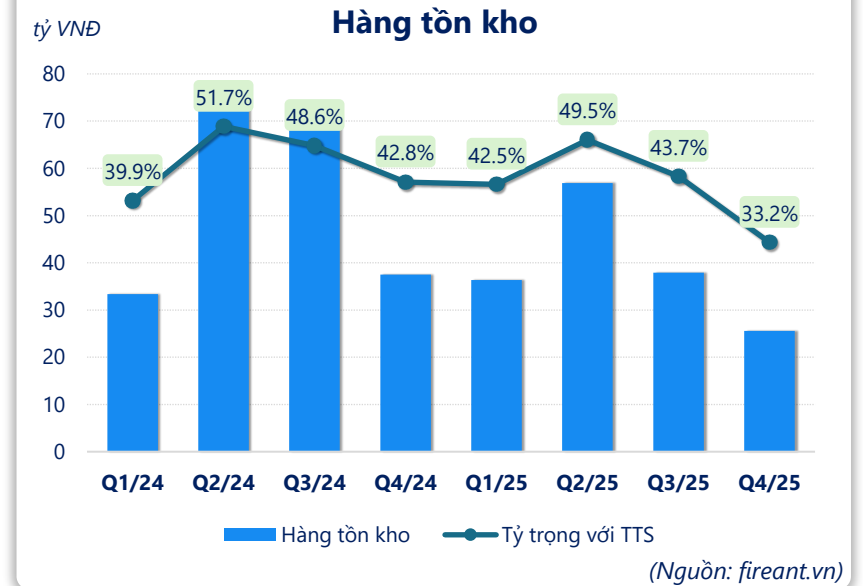
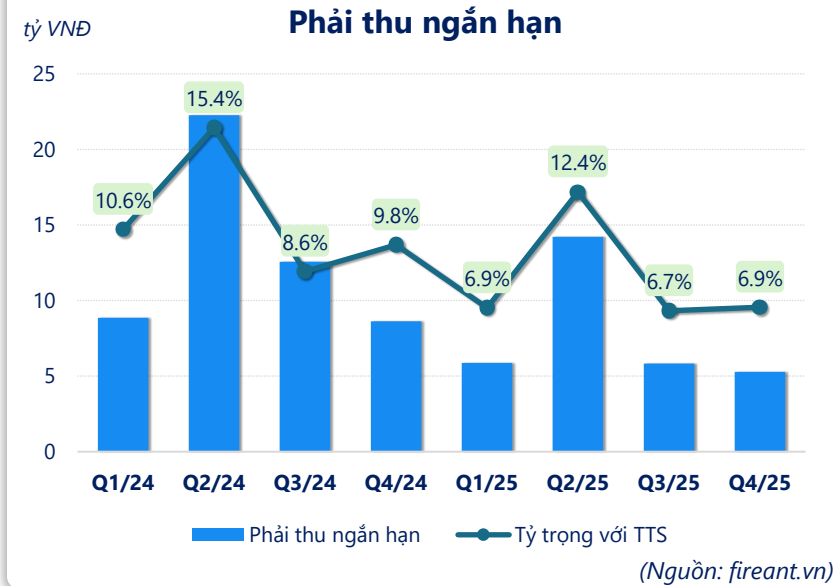
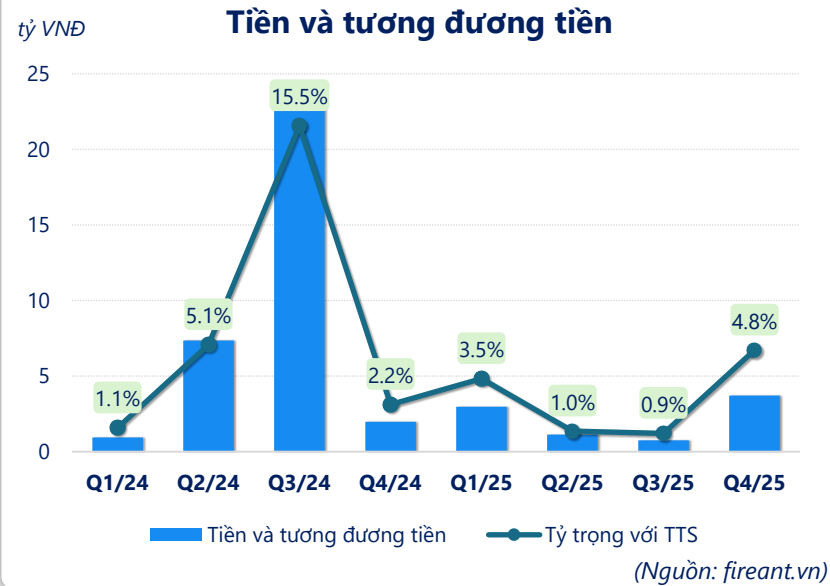
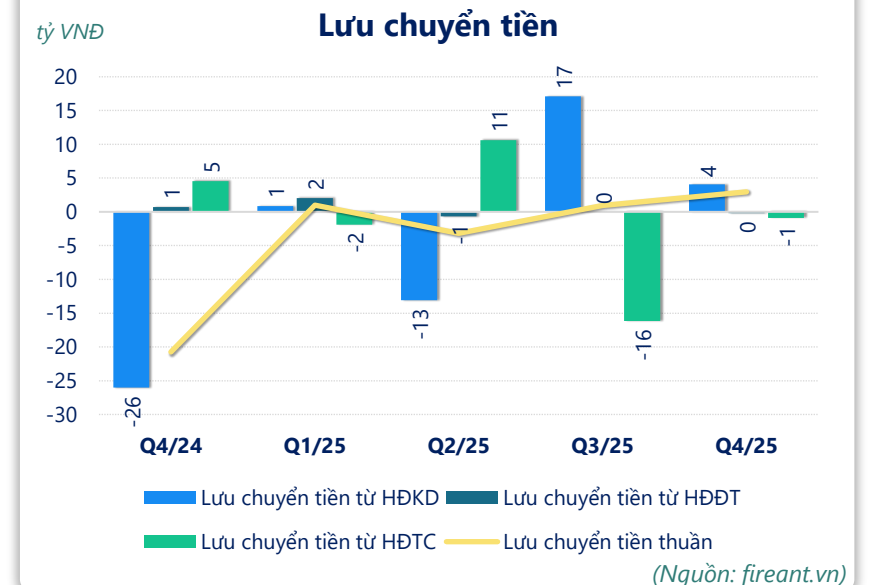
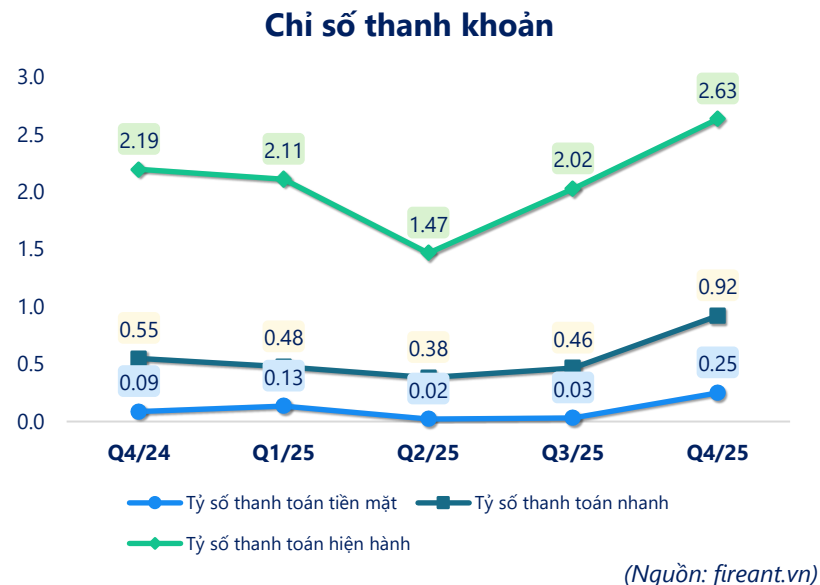
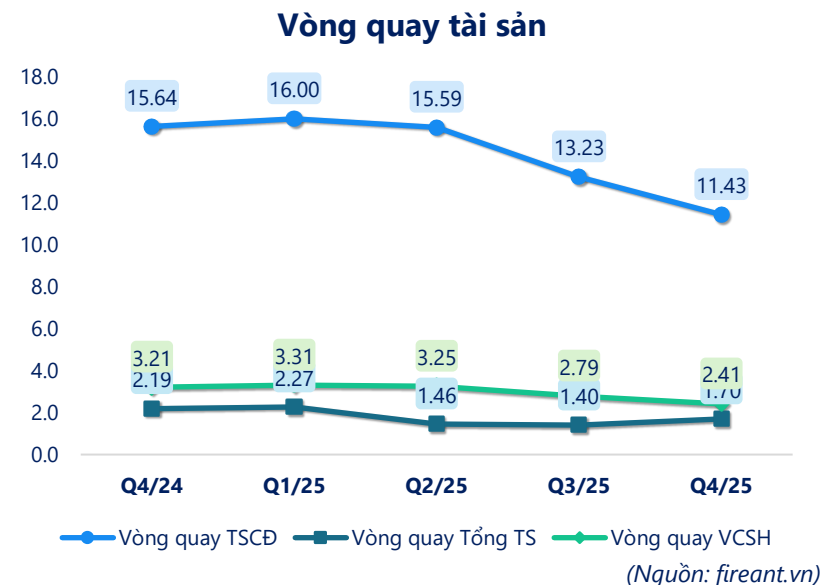
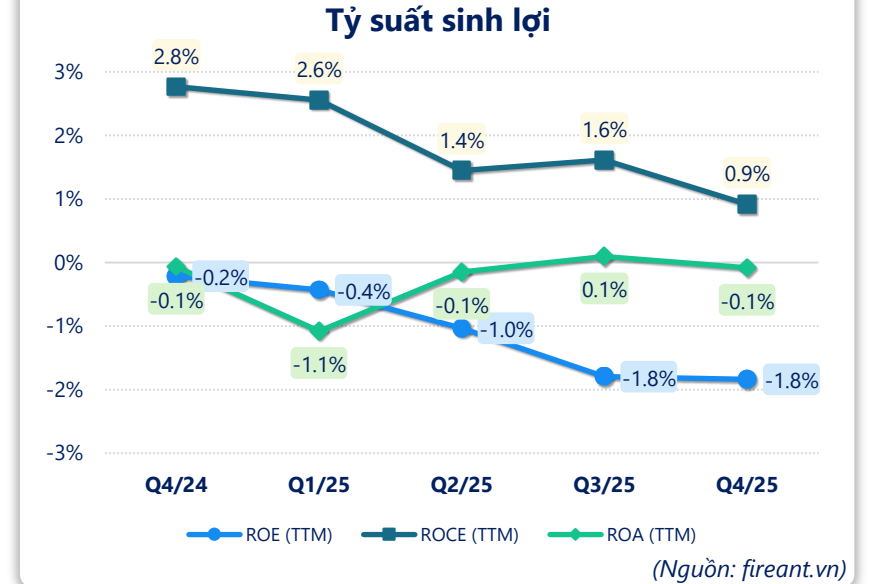
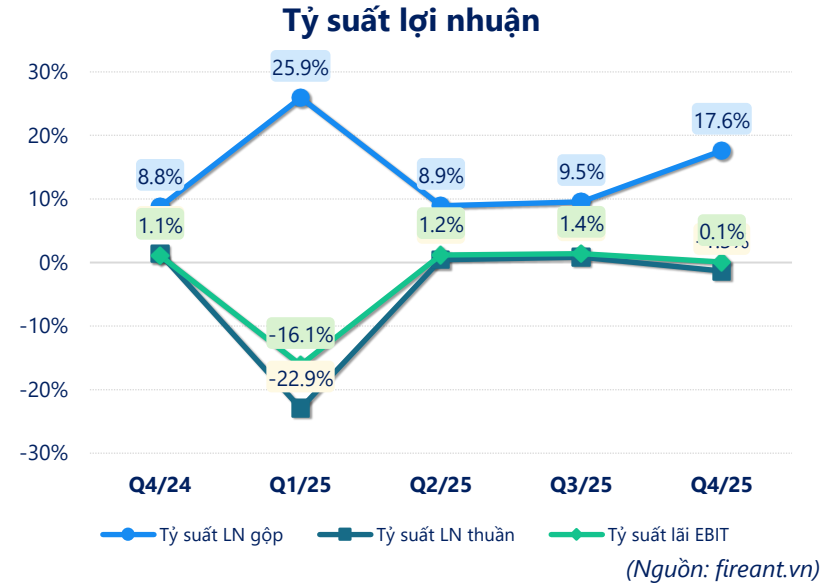
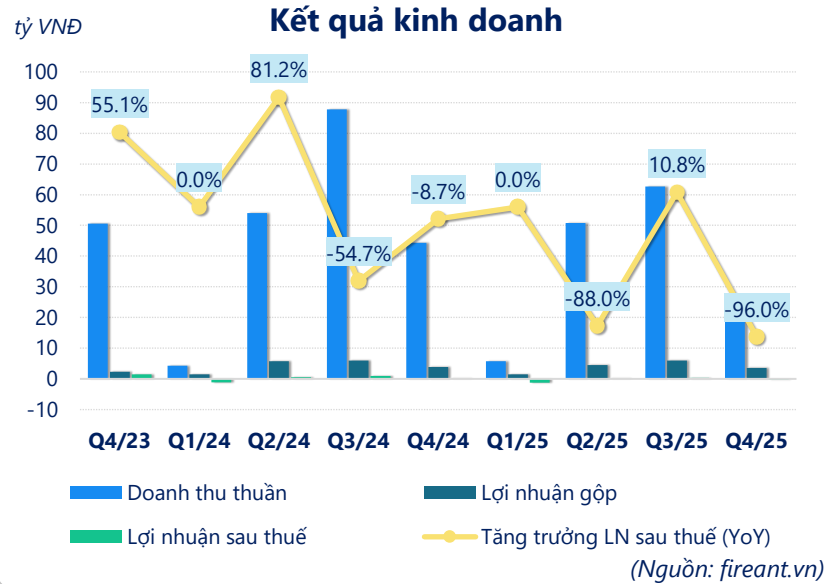


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		19,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		32,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,800
SL cổ phiếu LH		4,043,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		10
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		79
P/E		-74.5
EPS		-263

	YTD	1T	3T	6T
SGD	56.8%	8.9%	-8.8%	3.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	76.8	86.6	-11.3%
Tài sản ngắn hạn	39.3	48.0	-18.2%
Tiền và tương đương tiền	3.72	1.97	88.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.96	1.21	226%
Phải thu ngắn hạn	5.29	8.55	-38.1%
Hàng tồn kho	25.5	35.8	-28.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.76	0.49	53.0%
Tài sản dài hạn	37.6	38.6	-2.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	12.2	12.2	0.4%
Bất động sản đầu tư	11.1	11.4	-2.7%
Tài sản dở dang	0.08	0.08	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	8.35	8.99	-7.2%
Tài sản dài hạn khác	5.83	5.86	-0.4%
Lợi thế thương mại	0.05	0.15	-67.4%
Nợ phải trả	19.9	28.0	-28.9%
Nợ ngắn hạn	14.9	22.0	-32.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.24	12.1	-56.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.86	8.08	-2.7%
Nợ dài hạn	5.00	5.95	-16.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.00	5.91	-15.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	56.9	58.6	-2.9%
Vốn chủ sở hữu	56.9	58.6	-2.9%
Vốn điều lệ	41.4	41.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	44.3	5.71	50.8	62.6	20.4
Giá vốn hàng bán	40.4	4.23	46.3	56.7	16.8
Lợi nhuận gộp	3.89	1.48	4.54	5.98	3.59
Doanh thu HĐTC	1.23	0.03	0.49	0.04	0.43
Chi phí TC	0.27	0.34	0.59	0.32	0.47
Chi phí lãi vay	0.05	0.34	0.40	0.34	0.23
LN trong công ty LKLD	0.01	0	-0.75	0	0.11
Chi phí bán hàng	2.30	1.34	2.15	3.21	1.88
Chi phí QLDN	1.95	1.14	1.30	1.95	2.05
LN thuần từ HĐKD	0.61	-1.31	0.22	0.53	-0.27
Lợi nhuận khác	-0.19	0.05	-0.02	0	0.06
LN trước thuế	0.42	-1.26	0.21	0.53	-0.21
Lợi nhuận sau thuế	0.02	-1.26	0.17	0.34	-0.23
LNST của CĐ cty mẹ	-0.06	-0.91	-0.19	0.11	-0.07

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-26.0	0.85	-13.1	17.1	4.08
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.72	2.05	-0.67	0.05	-0.19
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.56	-1.90	10.6	-16.2	-0.92
Tiền đầu kỳ	22.7	1.97	2.98	1.13	0.76
Lưu chuyển tiền thuần	-20.7	1.01	-3.16	0.94	2.96
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.97	2.98	1.13	0.76	3.72

(Nguồn: fireant.vn)